

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có);
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank);
- Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Techcombank;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu về việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị Techcombank tại văn bản số 0693 /HĐQT-TCB ngày 02 /10/2024,

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
QUYẾT NGHỊ

Hội đồng quản trị thông qua việc phê duyệt Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu Techcombank năm 2024 - Lần 15 theo báo cáo, đề xuất của Tổng giám đốc và Khối Tài chính và kế hoạch tại Tờ trình số 186/2024/TTr-TCKH ngày 26/9/2024, cụ thể:

- Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu Techcombank năm 2024 - Lần 15 (Chi tiết Phương án tại Phụ lục đính kèm).
- Tổng Giám Đốc và Giám đốc Tài chính Tập đoàn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu Techcombank năm 2024 - Lần 15 và quyết định các chi phí phát sinh liên quan theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Techcombank.

Nơi nhận:

- Các Thành viên HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Khối TCKH và Khối có liên quan;
- Lưu VP HĐQT.



Hồ Hùng Anh



**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ LẦN 15 NĂM 2024
CỦA NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**(Đính kèm Nghị quyết số **0700** /2024/NQ-HĐQT-TCB ngày **07/10/2024**

của Hội đồng quản trị Techcombank)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/6/2010 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Luật Các TCTD 2010**");
- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Luật Các TCTD 2024**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019 (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("**Nghị Định 153**");
- Nghị định 65/2022/NĐ-CP ngày 16/09/2022 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 153 ("**Nghị Định 65**");
- Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/03/2023 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế ("**Nghị Định 08**");
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 31/03/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**Thông Tư 01**");
- Thông tư 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị Định 153 ("**Thông Tư 122**");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) ("**Thông Tư 22**");

- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (“**Thông Tư 41**”);
- Thông tư số 09/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động, hệ thống kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) (“**Thông Tư 09**”);
- Thông tư số 30/2023/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 17 tháng 05 năm 2023 hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước (“**Thông Tư 30**”);
- Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được ban hành tại Quyết định số 27/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“**VSDC**”) (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) (“**Quy chế ĐKLK VSDC**”);
- Quy chế đăng ký và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“**HNX**”) được ban hành tại Quyết định 56/QĐ-SGDVN ngày 10/07/2023 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (và các văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung khác, nếu có) (“**Quy chế ĐKGD**”);
- Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam;
- Nhu cầu huy động vốn trung dài hạn và kế hoạch kinh doanh của Techcombank năm 2024.

Phương án phát hành trái phiếu này (“**Phương Án Phát Hành**”) là cơ sở cho việc phát hành các trái phiếu riêng lẻ bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (“**Techcombank**”) hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”), được chào bán riêng lẻ theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08 với tổng mệnh giá tối đa **240.000.000.000 VND (Hai trăm bốn mươi tỷ Đồng)** và đáo hạn năm 2027 (“**Trái Phiếu**”) theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này. Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc phát hành Trái Phiếu. Các điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc phát hành Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên tổ chức phát hành : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
- Loại hình doanh nghiệp : Ngân hàng thương mại cổ phần
- Trụ sở chính : Số 6 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-24) 3944 6368.
- Fax : (84-24) 3944 6393.
- Giấy phép hoạt động : Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng Ngân hàng Thương mại số 38/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993) (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)
- Giấy CNĐKDN : Số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, được đăng ký thay đổi lần thứ 57 ngày 03/01/2024.
- Website : www.techcombank.com.vn
- Vốn điều lệ : 70.450.216.220.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi nghìn bốn trăm năm mươi tỷ hai trăm mười sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*)
- Đại diện theo pháp luật : Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch HĐQT
- Hoạt động kinh doanh chính :
 - Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
 - Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước.
 - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước;

- a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tái chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
- Lưu ký chứng khoán;
- Kinh doanh mua, bán vàng miếng;
- Mua nợ;
- Ví điện tử;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận)

- Số tài khoản : Citad code: 01310001
nhận tiền mua Trái Phiếu
Mở tại: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 03 (ba) năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có)

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (*)
1	Vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ	triệu VND	84.534.553	102.461.411	117.455.748	124.127.014	124.524.614
		Hợp nhất	triệu VND	93.041.472	113.424.966	131.616.065	138.551.657	138.949.257
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Riêng lẻ	triệu VND	35.585.622	35.648.800	35.701.464	70.450.216	70.450.216
		Hợp nhất	triệu VND	35.585.622	36.204.797	36.257.461	71.006.213	71.006.213
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Riêng lẻ	triệu VND	40.136.907	55.319.463	36.933.372	33.052.272	33.449.872
		Hợp nhất	triệu VND	47.453.056	64.482.685	49.013.144	45.331.275	45.728.875
1.3	Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	Riêng lẻ	triệu VND	8.812.024	11.493.148	44.820.912	20.637.725	20.637.725
		Hợp nhất	triệu VND	9.155.896	11.608.569	45.028.627	20.845.440	20.845.440
1.4		Riêng lẻ	triệu VND	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (*)
	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Hợp nhất	triệu VND	-	-	-	-	-
1.5	Chênh lệch tỷ giá	Riêng lẻ	triệu VND	-	-	-	(13.199)	(13.199)
		Hợp nhất	triệu VND	-	-	-	(13.199)	(13.199)
2	Tổng số nợ phải trả	Riêng lẻ	triệu VND	461.532.524	572.910.701	700.651.077	746.031.299	756.070.699
		Hợp nhất	triệu VND	475.687.478	585.607.578	717.865.947	769.755.043	779.794.443
2.1	Nợ vay ngân hàng	Riêng lẻ	triệu VND	105.063.231	160.594.694	139.424.522	133.680.860	133.680.860
		Hợp nhất	triệu VND	112.458.691	167.562.969	153.173.002	154.612.416	154.612.416
2.2	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	Riêng lẻ	triệu VND	6.196.537	13.038.397	31.241.313	42.289.304	52.229.304
		Hợp nhất	triệu VND	6.196.537	13.038.397	31.241.313	42.289.304	52.229.304
2.3	Nợ phải trả khác	Riêng lẻ	triệu VND	350.272.756	399.277.610	529.985.242	570.061.135	570.160.535
		Hợp nhất	triệu VND	357.032.250	405.006.212	533.451.632	572.853.323	572.952.723
3	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ	Lần	5,46	5,59	5,97	6,01	6,07
		Hợp nhất	Lần	5,11	5,16	5,45	5,56	5,61
4	Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản	Riêng lẻ	Lần	0,85	0,85	0,86	0,86	0,86
		Hợp nhất	Lần	0,84	0,84	0,85	0,85	0,85
5	Tổng dư nợ vay trái phiếu/vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ	Lần	0,07	0,13	0,27	0,34	0,42
		Hợp nhất	Lần	0,07	0,11	0,24	0,31	0,38
6	Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Riêng lẻ	Lần	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
		Hợp nhất	Lần	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
7	Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn)	Riêng lẻ	Lần	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
		Hợp nhất	Lần	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo	Đơn vị tính	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (*)
8	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Riêng lẻ	triệu VND	19.819.018	22.367.814	18.880.634	14.743.919	15.240.919
		Hợp nhất	triệu VND	23.238.293	25.567.768	22.888.228	15.628.168	16.125.168
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Riêng lẻ	triệu VND	15.801.783	17.906.536	14.994.653	12.215.127	12.612.727
		Hợp nhất	triệu VND	18.415.382	20.436.426	18.190.866	12.546.971	12.944.571
10	Lỗ trong năm tài chính	Riêng lẻ	triệu VND	-	-	-	-	-
		Hợp nhất	triệu VND	-	-	-	-	-
11	Lỗ lũy kế	Riêng lẻ	triệu VND	-	-	-	-	-
		Hợp nhất	triệu VND	-	-	-	-	-
12	Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	Riêng lẻ	Lần	0,03	0,03	0,02	0,03	0,03
		Hợp nhất	Lần	0,04	0,03	0,02	0,03	0,03
13	Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	Riêng lẻ	Lần	0,21	0,19	0,14	0,17	0,17
		Hợp nhất	Lần	0,22	0,20	0,15	0,16	0,17

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Techcombank đã được kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023 và báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất của Techcombank đã được soát xét kỳ 30/06/2024.

(*) Sau khi phát hành thành công 9.940 tỷ đồng trái phiếu (bao gồm 240 tỷ của đợt phát hành này)

2.2. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động trong 03 (ba) năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có)

2.2.1. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động trong 03 (ba) năm liền kề trước năm phát hành (theo quy định của Luật Các TCTD 2010):

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Đánh giá
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN)						
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	$\geq 8\%$	14,40%	14,33%	12,47%	12,80%	Tuân thủ
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	$\geq 8\%$	15,04%	15,18%	14,39%	14,52%	Tuân thủ
2	Giới hạn tín dụng						
2.1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với từng công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát/ vốn tự có	$\leq 10\%$	0,23%	0,20%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.2	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với tất cả công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp mà tổ chức tín dụng nắm quyền kiểm soát/ vốn tự có	$\leq 20\%$	0,23%	0,20%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.3	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng trên vốn tự có	$\leq 15\%$	9,17%	12,91%	11,01%	10,10%	Tuân thủ
2.4	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng	$\leq 25\%$	13,61%	20,93%	24,09%	22,78%	Tuân thủ
3	Tỷ lệ khả năng chi trả						
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	$\geq 10\%$	14,98%	18,38%	16,58%	17,53%	Tuân thủ

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Đánh giá
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	$\geq 50\%$	60,78%	77,02%	95,28%	80,72%	Tuân thủ
3.3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	$\geq 10\%$	-7803,31%	337,66%	193,12%	-1191,16%	Tuân thủ
4	Tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	Từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022: 37%; Từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2023: 34% Từ ngày 01 tháng 10 năm 2023: 30%	28,77%	28,75%	26,35%	24,17%	Tuân thủ
5	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh so với Tổng Nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước	$\leq 30\%$	8,79%	6,66%	7,29%	5,59%	Tuân thủ
6	Giới hạn góp vốn mua cổ phần						
6.1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng	$\leq 11\%$	11,00%	11,00%	11,00%	11,00%	Tuân thủ
6.2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương	$\leq 40\%$	3,33%	3,13%	14,91%	12,85%	Tuân thủ

ST T	Chỉ tiêu	Giới hạn theo luật	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Đánh giá
	mại vào các doanh nghiệp, bao gồm cả mức vốn cấp, vốn góp vào các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại						
7	Tỷ lệ cho vay so tổng tiền gửi	≤ 85%	75,00%	76,57%	77,40%	79,62%	Tuân thủ
8	Trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có						
8.1	Tổng trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có	≤ 20%	0,02%	0,02%	0,02%	0,85%	Tuân thủ
8.2	Tổng trạng thái ngoại tệ âm so với vốn tự có	≤ 20%	9,93%	1,36%	1,21%	0,00%	Tuân thủ
9	Trạng thái vàng so với vốn tự có	≤ 2%	0,01%	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn hoạt động cho các kỳ báo cáo tại thời điểm 31/12/2021, 31/12/2022, 31/12/2023 và 30/06/2024 của Tổ Chức Phát Hành.

2.2.2. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các TCTD 2024 từ ngày 01/07/2024 và dự kiến thay đổi sau phát hành trái phiếu

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (theo Thông Tư 41)					
1.1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	≥ 8%	13,10%	13,10%	0,00%	Tuân thủ

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	$\geq 8\%$	14,82%	14,82%	0,00%	Tuân thủ
2	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng					
2.1	Hạn chế cấp tín dụng					
2.1.1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng/vốn tự có đối với các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD 2024.	$\leq 5\%$	1,61%	1,61%	0,00%	Tuân thủ
2.1.2	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với mỗi trong số các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trên vốn tự có của tổ chức tín dụng (trừ trường hợp cấp tín dụng cho công ty con là tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc)	$\leq 10\%$	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.1.3	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với tất cả các công ty con, công ty liên kết của tổ chức tín dụng trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 15\%$	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
2.2	Giới hạn cấp tín dụng					
2.2.1	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng trên vốn tự có đối với một khách hàng, một khách hàng và người có					

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
	liên quan của khách hàng đó của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 136 Luật Các TCTD 2024					
a.	Đối với một khách hàng	Từ ngày 01/07/2024 đến trước ngày 01/01/2026 là: ≤ 14% Từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày 01/01/2027 là: ≤ 13% Từ ngày 01/01/2027 đến trước ngày 01/01/2028 là: ≤ 12% Từ ngày 01/01/2028 đến trước ngày 01/01/2029 là: ≤ 11% Từ ngày 01/01/2029 là: ≤ 10%	9,31%	9,31%	0,00%	Tuân thủ
b.	Đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó	Từ ngày 01/07/2024 đến trước ngày 01/01/2026 là: ≤ 23% Từ ngày 01/01/2026 đến trước ngày 01/01/2027 là: ≤ 21% Từ ngày 01/01/2027 đến trước ngày 01/01/2028 là: ≤ 19% Từ ngày 01/01/2028 đến trước ngày 01/01/2029 là: ≤ 17% Từ ngày 01/01/2029 là: ≤ 15%	21,08%	21,08%	0,00%	Tuân thủ
2.2.2	Giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp					
a.	Tổng dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu	≤ 5%	2,20%	2,20%	0,00%	Tuân thủ

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
	doanh nghiệp (bao gồm trái phiếu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) trên vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng					
b.	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trên vốn điều lệ, vốn được cấp của tổ chức tín dụng	$\leq 5\%$	0,04%	0,04%	0,00%	Tuân thủ
3	Tỷ lệ khả năng chi trả					
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	$\geq 10\%$	17,32%	18,39%	1,07%	Tuân thủ
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với đồng Việt Nam	$\geq 50\%$	75,24%	82,62%	7,38%	Tuân thủ
3.3	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày đối với ngoại tệ	$\geq 10\%$	-786,38%	-786,38%	0,00%	Tuân thủ
4	Tỷ lệ tái đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	$\leq 30\%$	27,20%	25,27%	-1,93%	Tuân thủ
5	Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh so với tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước	$\leq 30\%$	5,19%	5,13%	-0,06%	Tuân thủ
6	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần					

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
6.1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại và các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Các TCTD 2024 vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp	$\leq 11\%$	11,00%	11,00%	0,00%	Tuân thủ
6.2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một ngân hàng thương mại vào các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ngân hàng thương mại đó theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 8 Điều 111 của Luật Các TCTD 2024/vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ngân hàng thương mại	$\leq 40\%$	12,85%	12,85%	0,00%	Tuân thủ
6.3	Giới hạn mua, nắm giữ phần của tổ chức tín dụng khác					
6.3.1	Số lượng tổ chức tín dụng mà ngân hàng thương mại được mua, nắm giữ cổ phần (trừ trường hợp tổ chức tín dụng đó là công ty con của	≤ 2	-	0,00%	0,00%	Tuân thủ

STT	Chỉ tiêu (*)	Giới hạn theo luật	31/07/2024	Dự kiến sau đợt chào bán trái phiếu (**)	Chênh lệch	Đánh giá
	ngân hàng thương mại đó)					
6.3.2	Tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phần của một tổ chức tín dụng trên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức tín dụng đó	$\leq 5\%$	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
7	Tỷ lệ dư nợ cho vay so tổng tiền gửi	$\leq 85\%$	79,72%	78,50%	-1,22%	Tuân thủ
8	Trạng thái ngoại tệ tối đa cuối ngày so với vốn tự có của tổ chức tín dụng					
8.1	Tổng trạng thái ngoại tệ dương cuối ngày trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 20\%$	0,59%	0,59%	0,00%	Tuân thủ
8.2	Tổng trạng thái ngoại tệ âm cuối ngày trên vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 20\%$	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ
9	Trạng thái vàng tối đa cuối ngày so với vốn tự có của tổ chức tín dụng	$\leq 2\%$	0,00%	0,00%	0,00%	Tuân thủ

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn hoạt động cho kỳ báo cáo tại thời 31/07/2024 của Tổ Chức Phát Hành.

(*) Các chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở Thông Tư 22, Thông Tư 41, Thông Tư 09 và Luật Các TCTD 2024.

(**) được tính dựa trên số liệu Báo cáo chỉ tiêu an toàn hoạt động cho kỳ báo cáo thời điểm 31/07/2024 và giả định tổng khối lượng Trái Phiếu phát hành thành công lũy kế là 9.940 tỷ đồng sau khi phát hành thành công 240 tỷ VND của đợt phát hành này, không có thêm các biến động khác.

2.3. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn trong

03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu

Techcombank đã thực hiện thanh toán đầy đủ các khoản (i) gốc và lãi của các trái phiếu đã phát hành và đã đáo hạn; và (ii) lãi của các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán tiền gốc trái phiếu; và (iii) các khoản nợ khác đã đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt phát hành Trái Phiếu.

2.4. Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ

(a) Tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành và tình hình thanh toán gốc, lãi của các trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ:

STT	Mã Trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Đồng tiền phát hành	Giá trị phát hành (theo mệnh giá) (tỷ VND)	Giá trị đang lưu hành (theo mệnh giá) (tỷ VND)	Kỳ trả lãi	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Thanh toán lãi			Thanh toán gốc			Lý do chậm/ không thanh toán gốc, lãi (nếu có)
										Số tiền phải thanh toán (tỷ VND)	Số tiền đã thanh toán (tỷ VND)	Ngày thanh toán thực tế	Số tiền phải thanh toán (tỷ VND)	Số tiền đã thanh toán (tỷ VND)	Ngày thanh toán thực tế	
1	TCBL2325006	24 tháng	27/10/2023	27/10/2025	VND	1.800	1.800									
2	TCBL2325007	24 tháng	31/10/2023	31/10/2025	VND	1.500	1.500									
3	TCBL2325008	24 tháng	18/12/2023	18/12/2025	VND	2.000	2.000									
4	TCBL2325009	24 tháng	19/12/2023	19/12/2025	VND	2.000	2.000									
5	TCBL2326010	36 tháng	22/12/2023	22/12/2026	VND	2.000	2.000									
6	TCBL2325011	24 tháng	25/12/2023	25/12/2025	VND	2.000	2.000									
7	TCBL2427001	36 tháng	10/04/2024	10/04/2027	VND	3.000	3.000									
8	TCBL2427002	36 tháng	10/05/2024	10/05/2027	VND	1.500	1.500									
9	TCBL2427003	36 tháng	27/05/2024	27/05/2027	VND	1.500	1.500									
10	TCBL2427004	36 tháng	30/05/2024	30/05/2027	VND	3.000	3.000									
11	TCBL2427005	36 tháng	11/06/2024	11/06/2027	VND	3.000	3.000									
12	TCBL2427006	36 tháng	26/06/2024	26/06/2027	VND	2.000	2.000									
13	TCBL2427007	36 tháng	28/06/2024	28/06/2027	VND	2.000	2.000									
14	TCBL2427008	36 tháng	28/06/2024	28/06/2027	VND	2.000	2.000									
15	TCBL2427009	36 tháng	28/06/2024	28/06/2027	VND	2.000	2.000									
Tổng						VND	33.300	33.300		-	-					

Nguồn: Nguồn: Báo cáo công bố thông tin tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu Techcombank kỳ 30/06/2024 và cập nhật tình hình thực tế.

(b) Tình hình sử dụng vốn trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ:

Tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành sử dụng đúng mục đích đã công bố trong các bản công bố thông tin về chào bán trái phiếu trước mỗi đợt phát hành. Cụ thể:

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng ban đầu (tỷ VND)	Thực tế sử dụng từ ngày phát hành (tỷ VND)	Chênh lệch
1	TCBL2325006		1,800	1,800	-
2	TCBL2325007		1,500	1,500	-
3	TCBL2325008		2,000	2,000	-

STT	Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn	Kế hoạch sử dụng ban đầu (tỷ VND)	Thực tế sử dụng từ ngày phát hành (tỷ VND)	Chênh lệch
4	TCBL2325009	Techcombank sử dụng số tiền thu được từ chào bán Trái Phiếu để cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.	2,000	2,000	-
5	TCBL2326010		2,000	2,000	-
6	TCBL2325011		2,000	2,000	-
7	TCBL2427001		3,000	3,000	-
8	TCBL2427002		1,500	1,500	-
9	TCBL2427003		1,500	1,500	-
10	TCBL2427004		3,000	3,000	-
11	TCBL2427005		5,000	5,000	-
12	TCBL2427006		2,000	2,000	-
13	TCBL2427007		2,000	2,000	-
14	TCBL2427008		2,000	2,000	-
15	TCBL2427009	2,000	2,000	-	
Cộng			33,300	33,300	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu kỳ 30/06/2024 của Techcombank và cập nhật tình hình sử dụng vốn thực tế

(c) Kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu còn dư nợ:

Techcombank dự kiến sử dụng nguồn từ các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp từ nền kinh tế để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu.

(d) Các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu: Không có.

2.5. Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Techcombank, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành

Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu từ các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp từ nền kinh tế, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp cũng như thanh toán lãi và gốc các Trái Phiếu dự kiến phát hành.

2.6. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2023 của Techcombank

- **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 - Công ty kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
 - Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.
- **Báo cáo tài chính riêng lẻ**
 - Công ty kiểm toán: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam
 - Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.

2.7. Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành

Theo Công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm cập nhật cho Techcombank, được ban hành bởi Công ty Cổ phần FiiRatings (“**FiiRatings**”) ngày 02/08/2024, Techcombank đã được nâng mức điểm Xếp hạng Tín nhiệm dài hạn Nhà phát hành lên mức điểm “**AA-**” từ mức điểm “**A+**”, với triển vọng xếp hạng được duy trì ở mức “**Ổn định**”.

FinnRating là một trong các tổ chức xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102674865 sửa đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/09/2022. Trước đó, FiiRatings đã được Bộ tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 02/GCN-DVXHTN ngày 20/03/2020.

II. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Mục đích phát hành

Techcombank dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu để cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp của Techcombank.

2. Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ việc chào bán Trái Phiếu

Số tiền thu được từ việc chào bán và phát hành Trái Phiếu sẽ được Techcombank sử dụng cho vay khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Thời điểm giải ngân trước 31/12/2024.

Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu: Không áp dụng.

III. THUYẾT MINH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh Nghiệp;
- Luật Chứng Khoán;
- Luật Các TCTD 2024;
- Nghị Định 153;
- Nghị Định 65;
- Nghị Định 08;
- Thông Tư 01;
- Thông tư 122;
- Thông tư 22;
- Thông tư 41;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; và
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

2. Việc đáp ứng điều kiện chào bán trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành

Techcombank đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán riêng lẻ trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành tại thị trường trong nước theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 08, Nghị Định 65 và đáp ứng quy định của Khoản 2 Điều 31 Luật Chứng Khoán 2019 về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng và các điều kiện khác theo quy định tại Luật Các TCTD 2024, như sau:

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
1	Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.	Đáp ứng Techcombank là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam	Số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, được đăng ký thay đổi lần thứ 57 ngày 03/01/2024.
2	Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu.	Đáp ứng Techcombank đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu.	Techcombank có văn bản cam kết về việc đáp ứng điều kiện này.
3	Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.	Đáp ứng Techcombank đáp ứng đủ điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật.	Văn bản cam kết của Techcombank về việc đáp ứng điều kiện này.
4	Có phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận.	Đáp ứng Cấp có thẩm quyền phê duyệt Phương án phát hành Trái Phiếu là Hội đồng Quản trị của Techcombank. Khi Phương án phát hành Trái Phiếu này được Hội đồng Quản trị của Techcombank phê duyệt và chấp thuận được hiểu là	Điều lệ Techcombank và Nghị quyết Hội đồng quản trị phê duyệt Phương Án Phát Hành

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
		Techcombank đã đáp ứng điều kiện này.	
5	Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định.	Đáp ứng Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Techcombank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và nêu ý kiến chấp nhận toàn phần.	Báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Techcombank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là một tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập (căn cứ theo Quyết định số 1115/QĐ-UBCK ngày 24/11/2023 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).
6	Đối tượng chào bán Trái Phiếu theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Nghị Định 153 và được sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị Định 65 và đáp ứng quy định tại Điểm b, c Khoản 2 điều 31 Luật Chứng Khoán 2019.	Tuân thủ Đối tượng mua Trái Phiếu chào bán sơ cấp chỉ bao gồm các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Việc chuyển nhượng thứ cấp Trái Phiếu chỉ thực hiện giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán. Trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của	Phương Án Phát Hành và Hợp đồng đặt mua Trái Phiếu quy định rõ đối tượng mua sơ cấp là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (không bao gồm các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân). Techcombank ủy quyền cho Đại Lý Lưu Ký thực hiện xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

STT	Điều kiện chào bán	Đánh giá đáp ứng điều kiện của Techcombank	Tài liệu chứng minh
		Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.	đối với các nhà đầu tư mua Trái Phiếu.
7	Điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Luật Chứng Khoán.	Tuân thủ - Đối với điểm b, c, d, đ, e Khoản 2, Điều 31, Luật Chứng Khoán: Như đã trình bày ở điểm 2, 3, 5, 6 của Mục 2 này. - Đối với điểm a, Khoản 2, Điều 31, Luật Chứng Khoán: Khi Hội đồng quản trị của Techcombank thông qua phương án phát hành Trái Phiếu này (đã bao gồm các nội dung về sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; xác định rõ tiêu chí, đối tượng, số lượng nhà đầu tư) được hiểu là Techcombank đáp ứng điều kiện này.	Các tài liệu đã trình bày ở điểm 2, 3, 4, 5, 6 của Mục 2 này.
8	Tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu phải tuân thủ khoản 1 Điều 138 Luật Các TCTD 2024	Đáp ứng Techcombank đáp ứng đủ điều kiện về các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo khoản 1 Điều 138 Luật Các TCTD 2024.	Các tài liệu đã trình bày tại điểm 2.2 Mục 2 Phần I của Phương án phát hành này.

IV. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN CỦA TRÁI PHIẾU DỰ KIẾN CHÀO BÁN

1. Loại hình Trái Phiếu:

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và không phải là nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.

2. **Tổng giá trị Trái Phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá):** Tối đa 240.000.000.000 VND (*Hai trăm bốn mươi tỷ đồng Việt Nam*)
3. **Số lượng Trái Phiếu được phát hành:** tối đa 240 (*Hai trăm bốn mươi*) Trái Phiếu.
4. **Kỳ hạn:** 36 (*ba mươi sáu*) tháng.
5. **Ngày Phát Hành:** trước 31/10/2024
Ngày phát hành cụ thể do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ quyết định, được xác định thực tế trong báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu.
6. **Ngày Đáo Hạn:** là ngày tròn 36 (*Ba mươi sáu*) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
7. **Mệnh giá Trái Phiếu:** 01 (*một*) tỷ đồng Việt Nam/01 (*một*) Trái Phiếu
8. **Hình thức Trái Phiếu:**
Trái Phiếu phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử, được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu.
9. **Hình thức chào bán:**
Chào bán riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08.
10. **Loại tiền tệ phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND).
11. **Giá chào bán:** 100% mệnh giá Trái Phiếu.
12. **Địa điểm tổ chức đợt chào bán:** Trụ sở chính của Techcombank.
13. **Thời gian phân phối:**
Tối đa 30 (*Ba mươi*) ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán của Trái Phiếu.
14. **Số lượng đợt chào bán:** 01 (*Một*) đợt
15. **Đối tượng chào bán Trái Phiếu:**
Là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán (không bao gồm các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân).
16. **Lãi suất danh nghĩa dự kiến của Trái Phiếu:**
Lãi suất cố định: tối đa không quá 6% (*sáu phần trăm*)/năm.
Lãi suất của Trái Phiếu cụ thể do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ quyết định, phù hợp với lãi suất thị trường và quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát hành Trái Phiếu.
17. **Phương thức thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu:**
Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ vào các ngày tròn 12 (*mười hai*) tháng kể từ ngày phát hành của Trái Phiếu và gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần khi đáo hạn (trừ trường hợp Trái Phiếu bị mua lại trước hạn phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu). Lãi

và gốc Trái Phiếu được thanh toán thông qua chuyển khoản vào tài khoản thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

18. Địa điểm thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu:

Việc thanh toán gốc, lãi trái phiếu thực hiện tại Trụ sở chính của Techcombank và/hoặc bên thứ ba phù hợp với quy định pháp luật và quy định cụ thể tại các hồ sơ chào bán Trái Phiếu.

19. Mua lại Trái Phiếu trước hạn:

Techcombank thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn trong các trường hợp sau:

(a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận của Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, (i) Techcombank có quyền mua lại trước hạn Trái Phiếu với điều kiện Techcombank phải gửi thông báo mua lại Trái Phiếu cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, VSDC và các tổ chức khác có liên quan (nếu có) ít nhất 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) trước ngày mua lại trước hạn, khi đó Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành theo tỷ lệ sở hữu; hoặc (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Techcombank mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu thuộc quyền sở hữu của mình với điều kiện phải gửi yêu cầu mua lại cho Techcombank ít nhất 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) trước ngày yêu cầu mua lại, khi đó Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại toàn bộ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại khi Tổ Chức Phát Hành nhận được yêu cầu.

Phương án mua lại Trái Phiếu áp dụng cho trường hợp trên được thực hiện như sau:

- Mục đích mua lại: Techcombank mua lại trước hạn Trái Phiếu nhằm cơ cấu lại nguồn vốn, đảm bảo hiệu quả kinh doanh hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền bán lại trước hạn Trái Phiếu.
- Tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến mua lại: tối đa 240 (Hai trăm bốn mươi) tỷ VND.
- Nguồn vốn mua lại Trái Phiếu: Techcombank sử dụng nguồn từ các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp khác từ nền kinh tế để mua lại Trái Phiếu.
- Thời điểm mua lại: Việc mua lại chỉ được thực hiện vào ngày thanh toán lãi đầu tiên và ngày thanh toán lãi thứ hai kể từ ngày phát hành (hoặc ngày làm việc ngay sau đó nếu ngày đó không phải ngày làm việc)
- Giá mua lại: bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng (+) các khoản lãi Trái Phiếu chưa thanh toán đến ngày mua lại trước hạn cộng (+) các khoản tiền khác phát sinh (nếu có).

Chi tiết việc mua lại trước hạn Trái Phiếu (bao gồm khối lượng Trái Phiếu mua lại, thời điểm mua lại, phương thức tổ chức mua lại, giá mua lại và điều khoản điều kiện chi tiết của việc mua lại) sẽ do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền quyết định phù hợp với tình hình thực tế phát sinh và phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của pháp luật.

(b) Mua lại bắt buộc theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

(i) Techcombank sẽ mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Người Sở hữu Trái Phiếu khi:

(A) Techcombank vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch Trái Phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; hoặc

(B) Techcombank vi phạm Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; hoặc

(C) Xảy ra các sự kiện vi phạm khác theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu tương ứng hoặc theo quy định của pháp luật liên quan.

(ii) Thời điểm mua lại: Trong thời hạn 25 (*hai mươi lăm*) ngày làm việc (hoặc một khoảng thời gian khác theo quy định pháp luật có liên quan) kể từ ngày Techcombank hoặc Đại Lý Lưu Ký nhận được Yêu Cầu Mua Lại Bắt Buộc từ Người Sở Hữu Trái Phiếu do đã xảy ra một trong các sự kiện vi phạm được quy định tại điểm 19 (b) (i) nêu trên.

(iii) Giá mua lại: Techcombank có nghĩa vụ mua lại bắt buộc toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu và lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu (nếu có) tính đến (nhưng không bao gồm) ngày thanh toán phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của pháp luật.

(c) Các trường hợp mua lại Trái Phiếu khác

Ngoài các quy định từ Mục 19 (a) đến Mục 19 (b) trên đây, Tổ Chức Phát Hành có thể mua lại Trái Phiếu trong các trường hợp mua lại hiện theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu phù hợp với Quy chế ĐKLK VSDC, Quy chế ĐKGD và các quy định của Pháp luật.

20. Phương thức phát hành: Bán trực tiếp cho nhà đầu tư.

21. Luật điều chỉnh: pháp luật Việt Nam.

22. Các điều kiện và điều khoản khác của Trái Phiếu, hồ sơ phát hành Trái phiếu

Các điều kiện và điều khoản khác của Trái Phiếu sẽ được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, Bản công bố thông tin và các hợp đồng, thỏa thuận được ký kết nhằm mục đích phát hành Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền hợp lệ tại thời điểm phát hành, phù hợp với quy định pháp luật.

Các hồ sơ phát hành Trái Phiếu bao gồm nhưng không giới hạn Bản Công bố thông tin phát hành Trái Phiếu, Hợp đồng đặt mua Trái Phiếu, Hợp đồng Đại lý đăng ký, Hợp đồng lưu ký, Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán do Tổng Giám Đốc/Người được Tổng Giám đốc ủy quyền quyết định phù hợp với quy định pháp luật.

V. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. **Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán Trái Phiếu:** Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
2. **Tổ chức tư vấn giao dịch tập trung:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương ("TCBS").
3. **Đại lý lưu ký Trái Phiếu:** TCBS.

VI. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU:

Techcombank dự kiến sử dụng các khoản thu nợ gốc, nợ lãi từ hoạt động tín dụng; thu nhập khác của ngân hàng và huy động vốn hợp pháp từ nền kinh tế sẽ được sử dụng để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu cho Người Sở hữu Trái Phiếu. Theo kế hoạch kinh doanh của Techcombank, các khoản thu nói trên, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu tại các ngày thanh toán lãi và tại thời điểm Trái Phiếu đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

VII. CAM KẾT CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Techcombank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định tại Nghị định 153, Nghị định 65, Nghị định 08, Thông tư 122 và quy định pháp luật hiện hành.

VIII. CÁC CAM KẾT KHÁC ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Techcombank cam kết thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu đúng hạn. Các cam kết chi tiết khác sẽ được thể hiện trong các tài liệu giao dịch của Trái Phiếu khi phát hành.

IX. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ TẬP TRUNG TRÁI PHIẾU

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ được đăng ký tại VSDC. Trái phiếu được lưu ký tập trung tại VSDC theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái phiếu thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

X. GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU

Chậm nhất 15 (*mười lăm*) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của VSDC, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện đăng ký giao dịch Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch Chứng khoán. Giao dịch Trái Phiếu được thực hiện thông qua thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch Chứng khoán và chỉ được giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại Phương Án Phát Hành trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.

XI. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU

(a) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có các quyền lợi sau:

- (i) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (ii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán Trái Phiếu khi có yêu cầu;
- (iii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08;
- (iv) Được quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn bắt buộc Trái Phiếu khi:
 - Tổ Chức Phát Hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch Trái Phiếu theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
 - Tổ Chức Phát Hành vi phạm Phương Án Phát Hành mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% (*sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;
 - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
- (v) Được yêu cầu người bán Trái Phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Nghị Định 65 khi mua Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

- (vi) Được biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua: tỷ lệ biểu quyết quy định cụ thể tại các văn kiện Trái Phiếu nhưng không thấp hơn tỷ lệ 65% (*Sáu mươi lăm phần trăm*) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành.
 - (vii) Các quyền khác theo quy định tại các văn kiện Trái Phiếu và theo quy định của pháp luật.
- (b) **Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có các trách nhiệm sau:**
- (i) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản Trái Phiếu và các cam kết khác của Tổ Chức Phát Hành trước khi quyết định mua và giao dịch Trái Phiếu;
 - (ii) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch Trái Phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch Trái Phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65, Nghị Định 08 và quy định của pháp luật liên quan;
 - (iii) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch Trái Phiếu;
 - (iv) Trước khi mua Trái Phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Nghị Định 65 đã thực hiện các quy định tại điểm (i), (ii) và (iii) trên đây và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua Trái Phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này;
 - (v) Thực hiện giao dịch Trái Phiếu theo quy định về giao dịch trái phiếu tương ứng; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư Trái Phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức. Việc huy động vốn và mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
 - (vi) Khi bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Nghị Định 153, Nghị Định 65 , Nghị Định 08 cho nhà đầu tư mua Trái Phiếu;
 - (vii) Nhà đầu tư mua Trái Phiếu có trách nhiệm theo các quy định của pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
 - (viii) Trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc xử lý hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.

XII. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tuân thủ quy định của Nghị Định 153, Nghị Định 65 và Nghị Định 08 về việc chào bán trái phiếu, các điều kiện chào bán trái phiếu;
- Quản lý, sử dụng vốn từ phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích và kế hoạch sử dụng được nêu tại Phương Án Phát Hành này và theo quy định của pháp luật;
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn và thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu trước hạn và các quyền kèm khác theo (nếu có) cho Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này và Các Điều Kiện Trái Phiếu;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán Trái Phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến Phương Án Phát Hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và của nhà đầu tư;
- Các quyền lợi và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

XIII. TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến Trái Phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.

